

10 ĐỀ THI HK1 MÔN SINH 7 NĂM 2019-2020**1. Đề thi HK1 Sinh 7 số 1****UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM****TRƯỜNG THCS NAM TỪ LIÊM****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2019 - 2020****MÔN: SINH HỌC 7****Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian phát đề)****PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,5 điểm)***Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:***Câu 1:** Mục tự bảo vệ bằng cách nào?

- A. Co rụt cơ thể vào trong vỏ B. Tiết chất nhờn
C. Tung hỏa mù để chạy trốn D. Dùng tua miệng để tấn công

Câu 2: Cách dinh dưỡng của ruột khoang?

- A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Kí sinh D. Cả a và b

Câu 3: Môi trường kí sinh của giun đũa ở người là:

- A. Gan B. Thận C. Ruột non D. Ruột già

Câu 4: Bệnh sốt rét lây truyền qua trung gian nào?

- A. Ruồi B. Muỗi thường C. Muỗi anophen D. Gián

Câu 5: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là sai?

- A. Hô hấp bằng phổi. B. Tim hình ống.
C. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch. D. Là động vật không xương sống.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là đúng?

- A. Hô hấp bằng mang. B. Có hạch não phát triển.
C. Là động vật lưỡng tính. D. Là động vật có xương sống.

Câu 7: Nhận định nào dưới đây nói về hệ tuần hoàn của châu chấu?

- A. Tim 2 ngăn, một vòng tuần hoàn hở. B. Tim hình ống, hệ tuần hoàn kín.
C. Tim hình ống, hệ tuần hoàn hở. D. Tim 3 ngăn, hai vòng tuần hoàn kín.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây có ở châu chấu mà không có ở tôm?

- A. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch. B. Có hệ thống ống khí.
C. Vỏ cơ thể bằng kitin. D. Cơ thể phân đốt.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây về châu chấu là sai?

- A. Ống bài tiết lọc chất thải đổ vào ruột sau.

- B. Hệ tuần hoàn kín.
- C. Tim hình ống gồm nhiều ngăn ở mặt lưng.
- D. Hạch não phát triển.

Câu 10: Loại động vật nào sau đây ký sinh trên da người?

- A. Bọ cạp
- B. Cái ghẻ
- C. Ve bò
- D. Nhện đỏ

Câu 11: Nhện có những tập tính nào?

- A. Chăng lưới, bắt mồi.
- B. Sinh sản, kết kén.
- C. Tất cả các ý đều đúng
- D. Tất cả các ý đều sai

Câu 12: Châu chấu di chuyển bằng cách nào?

- A. Nhảy.
- B. Bay
- C. Bò.
- D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 13: Châu chấu hô hấp bằng cơ quan nào?

- A. Mang
- B. Hệ thống ống khí
- C. Hệ thống túi khí
- D. Phổi

Câu 14: Hệ tuần hoàn của châu chấu có chức năng gì?

- A. Phân phối chất dinh dưỡng đến các tế bào.
- B. Cung cấp ôxi cho các tế bào.
- C. Cung cấp ôxi.
- D. Tất cả các ý đều đúng

Câu 15: Hệ tuần hoàn của châu chấu thuộc dạng: do hệ thống ống khí đảm nhiệm

- A. Hệ tuần hoàn kín
- B. Hệ tuần hoàn hở
- C. Tim hình ống dài có 2 ngăn

Câu 16: Đối tượng nào sau đây thuộc lớp sâu bọ phá hại cây trồng mà phải phòng trừ tiêu diệt?

- A. Châu chấu.
- B. Ong mật.
- C. Bọ ngựa
- D. Ruồi.

Câu 17: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào không có ở các đại diện của ngành Thân mềm?

- A. Có vỏ đá vôi.
- B. Cơ thể phân đốt.
- C. Có khoang áo.
- D. Hệ tiêu hoá phân hoá.

Câu 18: Để phòng bệnh giun kí sinh, phải:

- A. Không tưới rau bằng phân tươi
- B. Tiêu diệt ruồi nhặng
- C. Giữ gìn vệ sinh ăn uống
- D. Giữ vệ sinh môi trường
- E. Tất cả đều đúng.

Câu 19: Hình dạng của sán lá gan là:

- A. hình trụ tròn.
- B. hình sợi dài.
- C. hình lá.
- D. hình dù.

Câu 20: Quá trình chăng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau :

(1): Chăng tơ phóng xạ.

(2): Chăng các tơ vòng.

(3): Chăng bộ khung lưới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lí.

A. (3) → (1) → (2). B. (3) → (2) → (1).

C. (1) → (3) → (2). D. (2) → (3) → (1).

Câu 21: Phát biểu nào sau đây khi nói về ý nghĩa thực tiễn của ngành Thân mềm là sai?

A. Là vật chủ trung gian truyền bệnh ngừ.

B. Làm sạch môi trường nước.

C. Có giá trị về mặt địa chất.

D. Làm thức ăn cho các động vật khác.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây về ngành Thân mềm là sai?

A. Thân mềm.

B. Hệ tiêu hóa phân hóa.

C. Không có xương sống.

D. Không có khoang áo.

Câu 23: Thân mềm có thể gây hại như thế nào đến đời sống con người?

A. Làm hại cây trồng.

B. Là vật trung gian truyền bệnh giun, sán.

C. Đục phá các phần gỗ và phần đá của thuyền bè, cầu cảng, gây hại lớn cho nghề hàng hải.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 24: Cấu tạo thành cơ thể của Thủy tức gồm.

A. Một lớp tế bào.

B. Ba lớp tế bào xếp sát nhau.

C. Hai lớp tế bào, giữa hai lớp tế bào là tầng keo mỏng

D. Gồm nhiều lớp tế bào, xen kẽ các tầng keo mỏng.

Câu 25: Mai của mực thực chất là

A. khoang áo phát triển thành.

B. tám miệng phát triển thành.

C. vỏ đá vôi tiêu giảm.

D. tám mang tiêu giảm.

Câu 26: Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh được bệnh kiết lị?

A. Mặc màn khi đi ngủ.

B. Diệt bọ gậy.

C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước.

D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 27: Đặc điểm cơ quan sinh dục của Giun đũa là:

A. chưa phân hóa

B. phân tính

C. lưỡng tính

D. cả câu B và C

Câu 28: Vỏ của một số thân mềm có ý nghĩa thực tiễn như thế nào?

A. Có giá trị về xuất khẩu.

B. Làm sạch môi trường nước.

C. Làm thực phẩm.

D. Dùng làm đồ trang trí.

Câu 29: Trùng sốt rét có lối sống:

- A. Bắt mồi. B. Tự dưỡng. C. Kí sinh. D. Tự dưỡng và bắt mồi.

Câu 30: Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

PHẦN II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Nêu đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang?

Câu 2 (1,5 điểm): Trình bày cấu tạo ngoài của tôm? Tại sao khi chín vỏ tôm có màu hồng (màu đỏ gạch)?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	7	C	13	B	19	C	25	C
2	B	8	B	14	A	20	A	26	D
3	C	9	B	15	B	21	A	27	B
4	C	10	B	16	A	22	D	28	D
5	A	11	C	17	B	23	D	29	C
6	B	12	D	18	E	24	C	30	B

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang

Đặc điểm chung của ngành ruột khoang:

- Cơ thể đối xứng tỏa tròn
- Ruột dạng túi
- Thành cơ thể có 2 lớp tb, giữa 2 lớp là tầng keo
- Tự vệ, tấn công bằng tế bào gai.

Vai trò:

- Trong tự nhiên:
 - + Tạo vẻ đẹp thiên nhiên
 - + Có ý nghĩa sinh thái đối với biển và đại dương
- Đối với đời sống:
 - + Làm đồ trang trí, trang sức

- + Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi
- + Làm thực phẩm có giá trị
- + Hóa thạch san hô là vật chỉ thị trong nghiên cứu địa chất

- Tác hại:

- + Một số loài gây ngứa và độc cho con người.
- + Tạo đá ngầm ảnh hưởng đến giao thông.

Câu 2: Cấu tạo ngoài của tôm: Cơ thể tôm được chia làm 2 phần:

- + Phần đầu – ngực.
- + Phần bụng.

Vỏ tôm rất cứng cáp (do được cấu tạo bằng Kitin có thấm thêm Canxi).

Vỏ tôm có sắc tố nên vỏ tôm có thể thay đổi theo màu sắc của môi trường.

- Các phần phụ của tôm:

- + Phần đầu ngực: Mắt kép, hai đôi râu, chân hàm, chân ngực.
- + Phần bụng: Chân bụng, tấm lái.

- Khi chín vỏ tôm có màu hồng vì: vỏ của tôm có chứa sắc tố nên màu sắc của tôm thay đổi theo màu sắc của môi trường, khi bị chín (dưới sự tác động nhiệt độ khi rang, nấu) sắc tố của nó sẽ bị phá hủy nên có màu hồng.

2. Đề thi HK1 Sinh 7 số 2

PHÒNG GD & ĐT HUYỆN BA TƠ

TRƯỜNG TH & THCS BA ĐIỀN

KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019 – 2020

MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian 45 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ:

I. Phần trắc nghiệm: (4 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả đúng.

Câu 1: Trùng kiết lị giống với trùng biến hình ở đặc điểm nào?

- A. Có di chuyển tích cực .
- B. Có chân giả.
- C. Sống tự do ngoài thiên nhiên.
- D. Có hình thành bào xác .

Câu 2: Trùng biến hình sinh sản bằng hình thức nào?

- A. Tiếp hợp.
- B. Hữu tính.
- C. Vô tính.
- D. Lưỡng tính.

Câu 3: Làm thế nào để quan sát, phân biệt mặt lưng, mặt bụng của giun đất ?

- A. Dựa vào màu sắc .
 B. Dựa vào vòng tơ .
 C. Dựa vào lỗ miệng.
 D. Dựa vào các đốt

Câu 4. Mực có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có 2 mảnh vỏ. B. Có 1 chân rìu . C. Có 10 tua. D. Có 8 tua.

Câu 5. Cơ thể động vật ngành chân khớp bên ngoài vỏ bao bọc lớp

- A. vỏ mềm B. Kitin C. vỏ cứng D. cuticun.

Câu 6. Phần ngực của nhện có mấy đôi chân?

- A. 3 đôi. B. 4 đôi. C. 5 đôi. D. 6 đôi.

Câu 7. Phần nào của thân sâu bọ mang các đôi chân và cánh?

- A. Ngực. B. Đầu. C. Đuôi. D. Bụng

Câu 8: Bạn Lan theo mẹ đi chợ, bạn ấy thấy có rất nhiều cá và bạn phân loại lớp cá xương gồm các nhóm cá nào sau đây?

- A. Cá nhám, cá trê, cá mè, cá chép. B. Cá chép, cá chuồn, cá đuối, cá trê.
 C. Cá chép, cá trê, cá chuồn, cá mè D. Cá nhám, cá mè, cá đuối, cá trê.

II. Phần tự luận : (6 điểm)

Câu 9: (2 điểm) Trình bày cấu tạo, dinh dưỡng và vòng đời của trùng sốt rét, biện pháp phòng chống bệnh sốt rét.

Câu 10: (2 điểm) Em hãy cho biết vai trò ngành ruột khoang trong tự nhiên và trong đời sống con người ?

Câu 11: (2 điểm) Tại sao trẻ em hay mắc bệnh giun đũa? Cần làm gì để phòng chống bệnh giun đũa ở trẻ em?

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm: (4 điểm)

- Mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	A	C	B	D	A	C

II. Phần tự luận : (6 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
9 (2 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> Cấu tạo và dinh dưỡng của trùng sốt rét : - Không có cơ quan di chuyển, không có các không bào - Dinh dưỡng thực hiện qua màng tế bào, lấy chất dinh dưỡng từ hồng cầu. 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> Vòng đời : Trùng sốt rét chui vào hồng cầu 	0,25
		0,25

	→ ăn chất nguyên sinh ở hồng cầu → phá vỡ hồng cầu lại tiếp tục chui vào hồng cầu khác .	0,25 0,25
	<ul style="list-style-type: none"> • Biện pháp : Giữ vệ sinh cá nhân, VS môi trường . Nhà cửa ngăn nắp, sạch sẽ . Diệt lăng quăng, diệt muỗi . Ngủ màn kể cả ban ngày . 	0,25 0,25 0,25
10 (2 điểm)	<p>* Có vai trò trong tự nhiên :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo vẻ đẹp thiên nhiên . - Có ý nghĩa sinh thái đối với biển . <p>* Đối với đời sống con người :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm đồ trang trí , trang sức . - Là nguồn cung cấp nguyên liệu vôi . - Hóa thạch san hô góp phần nghiên cứu địa chất <p>* Tác hại :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số loại loài gây độc, ngứa cho người . - Tạo đá ngầm ảnh hưởng đến giao thông đường thủy 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,5 0,25 0,25
11 (2 điểm)	<p>* Trẻ em hay mắc bệnh giun đũa :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em có thói quen chơi dưới sàn nhà, ở những môi trường thiếu vệ sinh ngâm các đồ chơi bẩn - Khi bị ngứa hậu môn trẻ thường lấy tay gãi (hậu môn nơi có giun đũa) rồi bỏ tay vào miệng nên khép kín vòng đời giun đũa <p>* Phòng chống bệnh giun đũa ở trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ chơi ở những nơi sạch sẽ hoặc lau sàn trước khi cho trẻ chơi - Vệ sinh môi trường . - Tiêu diệt ruồi nhặng . - Tẩy giun theo định kỳ . 	0,5 0,5 0,25 0,25 0,25 0,25

3. Đề thi HK1 Sinh 7 số 3

UBND HUYỆN ĐÔNG HÒA

TRƯỜNG THCS TRẦN NHÂN TÔNG

ĐỀ THI HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2019 - 2020**MÔN: SINH HỌC 7****Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian phát đề)****ĐỀ:****Câu 1 (2,0 điểm):** Nêu đặc điểm chung của ngành động vật nguyên sinh?**Câu 2 (1,0 điểm):** Nêu các hình thức di chuyển của thủy tức?**Câu 3 (2,5 điểm):**

a. Trình bày những đặc điểm chứng tỏ của giun đũa thích nghi với đời sống ký sinh?

b. Tại sao nói: Giun đất là bạn của nhà nông.

Câu 4 (1,5 điểm)

Bình thắc mắc: Ao nhà Bình đào để thả cá, sau một thời gian mặc dù không thả trai mà tự nhiên lại có. Em hãy giải thích cho Bình rõ tại sao?

Câu 5 (3,0 điểm): Tại sao nói ngành chân khớp rất đa dạng.**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Đặc điểm chung của ngành động vật nguyên sinh:	
	- Cơ thể có kích thước hiển vi.	0.5
	- Chỉ có một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống.	0.5
	- Phần lớn: dị dưỡng, di chuyển bằng chân giả, lông bơi hay roi bơi hoặc tiêu giảm.	0.5
	- Sinh sản vô tính bằng cách phân đôi	0.5
2	Các hình thức di chuyển của thủy tức: Di chuyển kiểu sâu đo và lộn đầu	1.0
3	a. Những đặc điểm của giun đũa chứng tỏ thích nghi với đời sống ký sinh:	
	- Bao bọc bên ngoài cơ thể là lớp cuticun → bảo vệ tránh tác dụng của dịch tiêu hóa.	0.5
	- Đầu nhọn, thành cơ thể có lớp cơ dọc → chui rúc trong môi trường ký sinh.	0.5
	- Ống tiêu hóa phân hóa → Hút dinh dưỡng nhanh và nhiều.	0.5
	- Tuyến sinh dục phân hóa, đẻ nhiều, có khả năng phát tán rộng.	0.5
	b. Giun đất là bạn của nhà nông vì giun đất có lợi cho đất trồng trọt: làm tơi, xốp đất, tạo điều kiện không khí thấm vào đất; làm tăng độ màu mỡ cho đất: do phân và chất bài tiết ở cơ thể giun tiết ra	0.5

4	Ao thả cá không thả trai mà tự nhiên có, vì: ấu trùng thường bám vào mang và da cá. Khi mưa, cá vượt bờ mang theo ấu trùng trai vào ao.	1.5
5	Ngành chân khớp rất đa dạng vì: - Cấu tạo cơ thể đa dạng. - Môi trường sống đa dạng: sống tự do: ở nước như tôm..., ở cạn như châu chấu..., vừa ở cạn vừa ở nước: chuồn chuồn; sống ký sinh: cái ghê... - Tập tính phong phú => Thích nghi với điều kiện sống và môi trường sống khác nhau.	1.0 1.0 1.0

4. Đề thi HK1 Sinh 7 số 4

PHÒNG GD & ĐT LONG MỸ
TRƯỜNG THCS THUẬN HƯNG
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1
MÔN: SINH HỌC 7
NĂM HỌC: 2019 – 2020

(Thời gian làm bài 60 phút, không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Chọn phương án đúng nhất và ghi kết quả vào giấy làm bài.

Câu 1. Hình thức dinh dưỡng của Trùng roi xanh là:

- A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Cả tự dưỡng và dị dưỡng D. Kí sinh.

Câu 2. Trùng sốt rét thường phát triển ở miền núi, vì:

- A. Có nhiều đầm lầy, nước đọng. B. Có nhiều cây cối rậm rạp.
 C. Không khí thoáng mát. D. Cây cối rậm rạp, nhiều đầm lầy.

Câu 3. Muốn phòng bệnh kiết lị ta phải:

- A. Uống thuốc phòng bệnh. B. Giữ vệ sinh ăn uống.
 C. Thường xuyên tắm rửa. D. Đeo khẩu trang.

Câu 4. Đặc điểm riêng của San hô so với Thủy tức, Sứa và Hải quỳ là:

- A. Sống thành tập đoàn. B. Sống bám.
 C. Sống dị dưỡng. D. Sống tự dưỡng.

Câu 5. Loài Ruột khoang có thể cung cấp nhiều đá vôi là:

- A. Thủy tức B. San hô C. Hải quỳ D. Sứa

Câu 6. Môi trường kí sinh của Giun đũa ở người là:

- A. Gan B. Thận C. Ruột non D. Ruột già

Câu 7. Hệ thần kinh của Giun đất có dạng:

- A. Dây thần kinh B. Thần kinh dạng mạng lưới.
C. Não và các dây thần kinh D. Chuỗi hạch thần kinh.

Câu 8. Trai sông có lối sống:

- A. Nổi trên mặt nước B. Bơi lội trong nước
C. Sống ở đáy ao, hồ, ẩn nửa mình trong bùn cát D. Sống ở biển

Câu 9. Cơ thể có phần phụ phân đốt khớp động với nhau, đây là những đặc điểm của:

- A. Tôm sông B. Nhện C. Sâu bọ D. Ngành chân khớp

Câu 10. Các động vật nào dưới đây thuộc lớp Giáp xác?

- A. Tôm, mọt ẩm, cua đồng B. Tôm, ốc sên, bọ cạp
C. Mực, bạch tuộc, bọ ngựa D. Trai sông, sò, ốc vặn

Câu 11. Tim của cá được phân chia thành:

- A. 1 ngăn B. 2 ngăn C. 3 ngăn D. 4 ngăn

Câu 12. Cơ thể trai có cấu tạo như thế nào?

- A. Áo nằm dưới vỏ, mặt ngoài áo tiết vỏ đá vôi
B. Mặt trong áo tạo thành khoang áo
C. Phía trong là thân trai, phía ngoài là chân trai đây là trung tâm cơ thể.
D. Cả a,b,c đều đúng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,5điểm) Cơ thể Tôm sông chia làm mấy phần? Hãy kể tên và nêu chức năng của các phần phụ ở mỗi phần.

Câu 2: (1,0 điểm) Nêu sự khác nhau giữa San hô và Thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi.

Câu 3: (1,5 điểm) Nêu đặc điểm chung của ngành Thân mềm.

Câu 4: (2,0 điểm) Trình bày nơi sống, đặc điểm cấu tạo, dinh dưỡng và di chuyển của Sán lá gan.

-----Hết-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

- Giám thị không được giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (mỗi câu đúng 0,25 điểm).

1.c	2.d	3.b	4.a	5.b	6.c	7.d	8.c	9.d	10.a	11.b	12.d
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1		2,5 điểm
	<i>Cơ thể tôm sông gồm 2 phần:</i> Phần Đầu - ngực và phần bụng. - Đầu ngực: + Mắt, râu: định hướng phát hiện mồi. + Các chân hàm: giữ và xử lí mồi. + Chân ngực: bò và bắt mồi. - Bụng: + Chân bụng: bơi, giữ thăng bằng, ôm trứng (con cái). + Tấm lái: lái, giúp tôm nhảy.	0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,5 đ 0,5 đ
2		1,0 điểm
	<i>Sự khác nhau giữa san hô và thủy tức trong sinh sản vô tính mọc chồi:</i> - Thủy tức, khi trưởng thành, chồi tách ra để sống độc lập. - San hô, chồi cứ tiếp tục dính với cơ thể mẹ để tạo thành các tập đoàn.	0,5 đ 0,5 đ
3		1,5 điểm
	<i>*Đặc điểm chung của ngành thân mềm:</i> + Thân mềm, không phân đốt. + Có vỏ đá vôi. + Khoang áo phát triển. + Hệ tiêu hoá phân hoá. + Cơ quan di chuyển thường đơn giản (Trừ mực và bạch tuộc)	0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
4		2,0 điểm
	- <i>Nơi sống:</i> kí sinh ở gan và mật trâu, bò. - <i>Cấu tạo:</i> hình lá, dẹp, dài từ 2 – 5 cm, mắt và lông bơi tiêu giảm, giác bám phát triển. - <i>Dinh dưỡng:</i> Hầu có cơ khỏe giúp miệng hút chất dinh dưỡng từ môi trường kí sinh đưa vào ruột phân nhánh. - <i>Di chuyển:</i> chui rúc, luồn lách trong môi trường kí sinh.	0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,5 đ

5. Đề thi HK1 Sinh 7 số 5**TRƯỜNG THCS GIANG SƠN**

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 201 - 2020

MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: (0,5điểm) Trùng roi thuộc ngành động vật nào?

- A. Ngành ruột khoang.
B. Ngành giun dẹp.
C. Ngành động vật nguyên sinh.
D. Ngành giun đốt.

Câu 2: (0,5điểm) Đặc điểm chung của động vật nguyên sinh:

- A. Gây bệnh cho người và động vật khác.
B. Di chuyển bằng tua.
C. Cơ thể chỉ là một tế bào đảm nhiệm mọi chức năng sống.
D. Sinh sản hữu tính.

Câu 3: (0,5điểm) Cơ thể tôm được chia làm mấy phần chính?

- A. 2 phần.
B. 3 phần.
C. 4 phần.
D. 5 phần.

Câu 4: (0,5điểm) Trai sông thuộc ngành nào:

- A. Ngành động vật nguyên sinh
B. Ngành thân mềm.
C. Ngành chân khớp.
D. Ngành động vật có xương sống.

Câu 5: (0,5điểm) Đặc điểm nào KHÔNG PHẢI là tập tính của kiến?

- A. Tự vệ, tấn công.
B. Dự trữ thức ăn.
C. Sống thành xã hội.
D. Đực, cái nhận biết nhau bằng tín hiệu.

Câu 6: (0,5 điểm) Ấu trùng của loài nào sống ở môi trường nước?

- A. Chuồn chuồn
B. Ve sầu
C. Ruồi
D. Sâu bướm

II. PHẦN TƯ LUẬN: (7 điểm)

Câu 7: (2 điểm) Hãy chỉ rõ đặc điểm chung và vai trò của ngành chân khớp?

Câu 8: (2 điểm) Giun đất thuộc ngành nào? Hãy trình bày cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống trong đất ?

Câu 9: (3 điểm) Phân biệt hai lớp cá sụn và lớp cá xương? Đặc điểm nào ở cá chép giúp chúng thích nghi với môi trường sống ở tầng nước giữa và tầng đáy? Ở địa phương em bảo vệ nguồn lợi cá bằng cách nào?

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	A	B	D	A

II. PHẦN TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 7 (2 điểm):

ĐẶC ĐIỂM CHUNG (1Đ)	VAI TRÒ(1Đ)
Phần phụ chân khớp phân đốt Sự phát triển và tăng trưởng gắn liền với sự lột xác Vỏ kitin vừa che chở bên ngoài vừa làm chỗ bám cho cơ, có chức năng như bộ xương ngoài	- Có lợi: Cung cấp thực phẩm cho con người; là thức ăn của Đv khác; làm thuốc chữa bệnh; thụ phấn cho cây trồng; làm sạch môi trường. - Tác hại: Làm hại cây trồng; làm hại cho nông nghiệp; hại đồ gỗ, tàu thuyền...; là vật trung gian truyền bệnh.

Câu 8: (2 điểm)

- Giun đất thuộc ngành giun đốt (1 đ)
- Cấu tạo thích nghi với đời sống ở dưới đất (1đ)
- + Cơ thể dài, thuôn 2 đầu
- + Phân nhiều đốt, mỗi đốt có vòng tơ
- + Chất nhầy làm da trơn
- + Có đai sinh dục và lỗ sinh dục

Câu 9: (3 điểm)

- Phân biệt: (1 điểm)

Lớp cá sụn	Lớp cá xương
Bộ xương bằng chất sụn	Bộ xương bằng chất xương
Khe mang trần	Khe mang có nắp mang
Da nhám	Da phủ vảy
Miệng nằm ở mặt bụng	Miệng nằm ở đầu mõm

- Đặc điểm thích nghi với môi trường sống tầng nước giữa và tầng đáy (1 điểm)
- + Hình dạng thân tương đối ngắn
- + Khúc đuôi khỏe
- + Vây chẵn bình thường
- + Di chuyển nhanh
- Biện pháp: (1 điểm)
- + Tận dụng các vực nước

+ Không đánh bắt bừa bãi, không nổ mìn, dìm điện

+ Khai thác cá to

6. Đề thi HK1 Sinh 7 số 6

UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM

TRƯỜNG THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2019 - 2020

MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian: 45 phút (Không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,5 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Đặc điểm cơ quan sinh dục của Giun đũa là:

- A. chưa phân hóa B. phân tính C. lưỡng tính D. cả câu B và C

Câu 2: Cách dinh dưỡng của ruột khoang?

- A. Tự dưỡng B. Dị dưỡng C. Kí sinh D. Cả a và b

Câu 3: Đối tượng nào sau đây thuộc lớp sâu bọ phá hại cây trồng mà phải phòng trừ tiêu diệt?

- A. Ruồi. B. Châu chấu. C. Ong mật. D. Bọ ngựa

Câu 4: Nơi kí sinh của trùng kiết lị là:

- A. Bạch cầu B. Máu C. Hồng cầu D. Ruột người

Câu 5: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anôphen. B. Muỗi Mansonia.
C. Muỗi Culex. D. Muỗi Aedes.

Câu 6: Vị trí kí sinh của trùng sốt rét trong cơ thể người là

- A. trong máu. B. khoang miệng. C. ở gan. D. ở thành ruột.

Câu 7: Trong các biện pháp sau, biện pháp nào giúp chúng ta phòng tránh đc bệnh kiết lị?

- A. Mặc màn khi đi ngủ. B. Diệt bọ gậy.
C. Đậy kín các dụng cụ chứa nước. D. Ăn uống hợp vệ sinh.

Câu 8: Ruột khoang có vai trò gì đối với sinh giới và con người nói chung?

- A. Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm và dược phẩm.
B. Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo.
C. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng,
D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 9: Các đại diện của ngành Ruột khoang không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Sống trong môi trường nước, đối xứng tỏa tròn.
- B. Có khả năng kết bào xác.
- C. Cấu tạo thành cơ thể gồm 2 lớp, ruột dạng túi.
- D. Có tế bào gai để tự vệ và tấn công.

Câu 10: Ruột khoang nói chung thường tự vệ bằng

- A. các xúc tu.
- B. các tế bào gai mang độc.
- C. lẩn trốn khỏi kẻ thù.
- D. trốn trong vỏ cứng.

Câu 11: Thức ăn của trùng sốt rét là:

- A. Vi khuẩn.
- B. Vụn hữu cơ.
- C. Hồng cầu.
- D. Động vật nhỏ.

Câu 12: Trùng sốt rét có lối sống:

- A. Bất mồi.
- B. Tự dưỡng.
- C. Kí sinh.
- D. Tự dưỡng và bắt mồi.

Câu 13: Loại động vật nào sau đây ký sinh trên da người ?

- A. Bọ cạp
- B. Cái ghẻ
- C. Ve bò
- D. Nhện đỏ

Câu 14: Châu chấu hô hấp bằng cơ quan nào?

- A. Mang
- B. Hệ thống ống khí
- C. Hệ thống túi khí
- D. Phổi

Câu 15: Hệ tuần hoàn của châu chấu thuộc dạng:

- A. Hệ tuần hoàn kín
- B. Hệ tuần hoàn hở
- C. Tim hình ống dài có 2 ngăn
- D. Chưa có hệ tuần hoàn

Câu 16: Mực tự bảo vệ bằng cách nào?

- A. Co rút cơ thể vào trong vỏ
- B. Tiết chất nhờn
- C. Tung hỏa mù để chạy trốn
- D. Dùng tua miệng để tấn công

Câu 17: Thức ăn của nhện là gì?

- A. Vụn hữu cơ
- B. Sâu bọ
- C. Thực vật
- D. Mùn đất

Câu 18: Mai của mực thực chất là

- A. khoang áo phát triển thành.
- B. tấm miệng phát triển thành.
- C. vỏ đá vôi tiêu giảm.
- D. tấm mang tiêu giảm.

Câu 19: Đặc điểm nào dưới đây có ở sán lá gan?

- A. Miệng nằm ở mặt bụng.
- B. Mắt và lông bơi tiêu giảm.
- C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển.
- D. Có cơ quan sinh dục đơn tính.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng?

- A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do.
- B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn.

- C. Sán lá gan không có giác bám.
- D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính.

Câu 21: Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khỏe con người?

- A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột non, giảm hiệu quả tiêu hoá, làm cơ thể suy nhược.
- B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người.
- C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 22: Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

- A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.
- B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.
- C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây về giun đũa là đúng?

- A. Có lỗ hậu môn.
- B. Tuyến sinh dục kém phát triển.
- C. Cơ thể dẹp hình lá.
- D. Sống tự do.

Câu 24: Tầm lái ở tôm sông có chức năng gì?

- A. Bắt mồi và bò.
- B. Lái và giúp tôm bơi giật lùi.
- C. Giữ và xử lí mồi.
- D. Định hướng và phát hiện mồi.

Câu 25: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.
- B. Thu hút con mồi lại gần tôm.
- C. Là tín hiệu nhận biết được cái của tôm.
- D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 26: Tuyến bài tiết của tôm sông nằm ở

- A. đỉnh của đôi râu thứ nhất.
- B. đỉnh của tám lái.
- C. gốc của đôi râu thứ hai.
- D. gốc của đôi càng.

Câu 27: Chân hàm ở tôm sông có chức năng gì?

- A. Bắt mồi và bò.
- B. Giữ và xử lí mồi.
- C. Bơi, giữ thăng bằng và ôm trứng.
- D. Lái và giúp tôm giữ thăng bằng.

Câu 28: Vỏ tôm được cấu tạo bằng

- A. kitin.
- B. xenlulôzơ.
- C. keratin.
- D. collagen.

Câu 29: Ở tôm sông, bộ phận nào có chức năng bắt mồi và bò?

- A. Chân bụng. B. Chân hàm. C. Chân ngực. D. Râu.

Câu 30: Để phòng bệnh giun kí sinh, phải:

- A. Không tưới rau bằng phân tươi B. Tiêu diệt ruồi nhặng
C. Giữ gìn vệ sinh ăn uống D. Giữ vệ sinh môi trường
E. Tất cả đều đúng.

PHẦN II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Vì sao lại xếp mực bơi nhanh cùng ngành với ốc sên bò chậm chạp? Nêu vai trò của ngành thân mềm đối với con người?

Câu 2 (1 điểm): Nhện có tập tính chăng lưới, bắt mồi. Hãy mô tả lần lượt các bước mà nhện thực hiện tập tính đó? Vẽ hình lưới nhện?

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	7	D	13	B	19	B	25	D
2	B	8	D	14	B	20	D	26	C
3	B	9	B	15	B	21	D	27	B
4	D	10	B	16	C	22	C	28	A
5	A	11	C	17	B	23	A	29	C
6	A	12	C	18	C	24	B	30	E

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao lại xếp mực bơi nhanh cùng ngành với ốc sên bò chậm chạp ? Nêu vai trò của ngành thân mềm đối với con người ?

Vì mực và ốc sên đều có những đặc điểm chung:

- Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi
- Có khoang áo
- Hệ tiêu hóa phân hóa
- Cơ quan di chuyển thường đơn giản

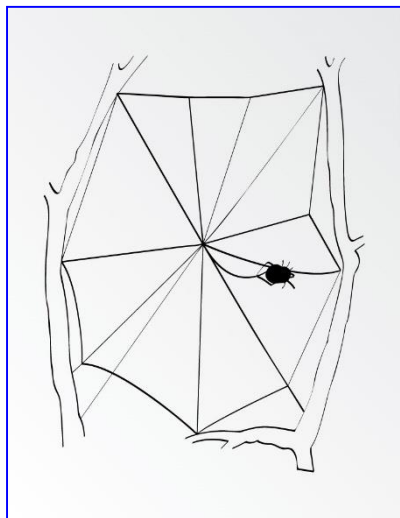
Vai trò của thân mềm đối với con người:

- + Làm thực phẩm cho con người
- + Nguyên liệu xuất khẩu
- + Làm sạch môi trường nước
- + Làm đồ trang trí, trang sức
- + Có ý nghĩa địa chất

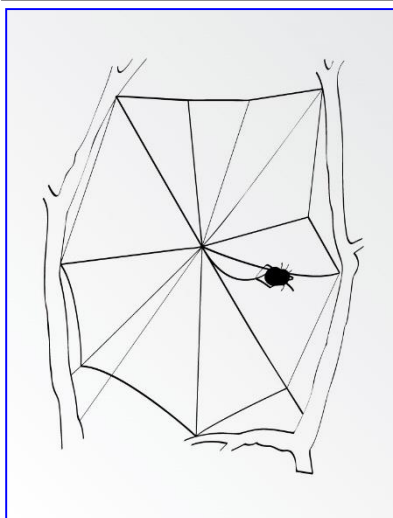
Câu 2: Nhện có tập tính chăng lưới, bắt mồi. Hãy mô tả lần lượt các bước mà nhện thực hiện tập tính đó? Vẽ hình lưới nhện?

Các bước nhận thực hiện tập tính chằng lưới:

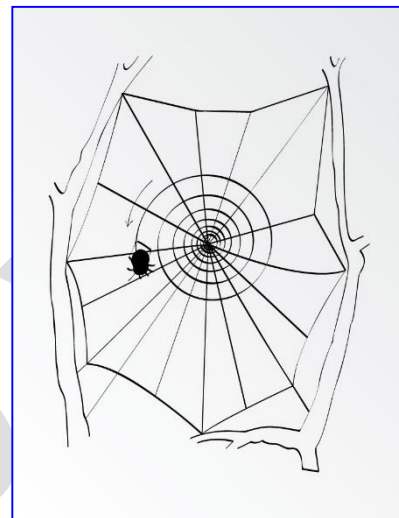
Bước 1: Chằng dây tơ khung



Bước 2: Chằng dây tơ phóng xạ



Bước 3: Chằng các sợi tơ vòng



7. Đề thi HK1 Sinh 7 số 7

TRƯỜNG THCS HOÀNG CÁT

ĐỂ THI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2019 - 2020

MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm)

Câu 1. (1.25 điểm) Hãy lựa chọn và ghép các thông tin ở cột B sao cho phù hợp với các thông tin ở cột A.

Đại diện Thân mềm (A)	Đặc điểm (B)
1. Trùng roi	a) Di chuyển bằng chân giả rất ngắn, kí sinh ở thành ruột.
2. Trùng biến hình	b) Di chuyển bằng lông bơi, sinh sản theo kiểu phân đôi và tiếp hợp.
3. Trùng giày	c) Di chuyển bằng chân giả, sinh sản theo kiểu phân đôi.
4. Trùng kiết lị	d) Không có bộ phận di chuyển, sinh sản theo kiểu phân đôi.
5. Trùng sốt rét	e) Di chuyển bằng roi, sinh sản theo kiểu phân đôi.
	g) Di chuyển bằng chân giả, sống phổ biến ở biển.

Câu 2. (2.75 điểm) Khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Các động vật nguyên sinh sống kí sinh là:

- A. Trùng giày, trùng kiết lị . B. Trùng biến hình, trùng sốt rét .
C. Trùng sốt rét, trùng kiết lị. D. Trùng roi xanh, trùng giày .

2. Động vật nguyên sinh nào có khả năng sống tự dưỡng và dị dưỡng ?

- A. Trùng giày. B.Trùng biến hình C. Trùng sốt rét. D.Trùng roi xanh .

3. Đặc điểm cấu tạo chung của ruột khoang là :

- A . Cơ thể phân đốt, có thể xoang ; ống tiêu hoá phân hoá ; bắt đầu có hệ tuần hoàn
B. Cơ thể hình trụ thuôn dài, có khoang cơ thể chưa chính thức. Cơ quan tiêu hoá từ miệng đến hậu môn.
C. Cơ thể dẹp, đối xứng hai bên và phân biệt đầu đuôi, lưng bụng, ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn.
D. Cơ thể đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào.

4. Đặc điểm không có ở san hô là:

- A. Cơ thể đối xứng toả tròn. B. Sống di chuyển thường xuyên.
C. Kiểu ruột hình túi. D. Sống tập đoàn.

5. Đặc điểm nào dưới đây chỉ có ở sán lông mà không có ở sán lá gan và sán dây ?

- A. Giác bám phát triển. B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
C. Mắt và lông bơi phát triển. D. Ruột phân nhánh chưa có hậu môn.

6. Đặc điểm không có ở sán lá gan là:

- A. Giác bám phát triển. B. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
C. Mắt và lông bơi phát triển . D. Ruột phân nhánh chưa có hậu môn.

7. Nơi kí sinh của giun đũa là :

- A. Ruột non. B. Ruột già. C.Ruột thẳng . D. Tá tràng.

8. Các dạng thân mềm nào dưới đây sống ở nước ngọt ?

- A. Trai, sò. B. Sò, mực C. Trai, ốc sên. D. Trai, ốc vặn.

9. Những đặc điểm chỉ có ở mực là:

- A. Bò chậm chạp, có mai . B. Bơi nhanh, có mai.
C. Bò nhanh, có hai mảnh vỏ. D. Bơi chậm, có hai mảnh vỏ.

10.Các phần phụ có chức năng giữ và xử lí mồi của tôm sông là :

- A. Các chân hàm . B. Các chân ngực (càng, chân bò) .
C. Các chân bụng . D. Tấm lái .

11. Người ta thường câu tôm sông vào thời gian nào trong ngày?

- A. Sáng sớm. B. Buổi trưa. C. Chập tối . D. Ban chiều.

II . Tự luận (6 điểm)

Câu 3. (1,5 điểm) Vì sao nói san hô chủ yếu có lợi? Người ta sử dụng cảnh san hô để làm gì?

Câu 4. (1,5 điểm) Đặc điểm cấu tạo ngoài của giun đất thích nghi với đời sống chui luồn trong đất như thế nào? Nêu lợi ích của giun đất đối với đất trồng trọt?

Câu 5. (1 điểm) Cấu tạo của trai thích ứng với lối tự vệ có hiệu quả?

Câu 6. (2 điểm) Trình bày những đặc điểm về lối sống và cấu tạo ngoài của tôm sông.

Đáp án

I. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm)

Câu 1. (1,25 điểm), mỗi ý đúng cho 0,25 điểm.

1.e 2.c 3.b 4.a 5.d

Câu 2. (2,75 điểm) mỗi ý đúng 0,25 điểm

1.C 2.D 3.B 4.B 5.C
6.C 7.A 8.D 9.B 10.A 11.C

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 3. (1,5 điểm, mỗi ý đúng 0,5 điểm)

San hô chủ yếu có lợi:

- Ấu trùng của san hô trong các giai đoạn sinh sản hữu tính thường là thức ăn của nhiều động vật biển.
- Các loài san hô tạo thành các dạng bờ biển, bờ chắn, đảo san hô... là những hệ sinh thái đặc sắc của đại dương.
- Người ta bêche cảnh san hô ngâm vào nước vôi nhằm huỷ hoại phần thịt của san hô, còn lại là bộ xương bằng đá vôi đó chính là vật trang trí.

Câu 4. (1,5 điểm)

Sự thích nghi của giun đất với đời sống trong đất được thể hiện ở cấu tạo ngoài:

(1 điểm)

- Cơ thể hình giun, các đốt phần đầu có thành cơ phát triển.
- Chi bên tiêu giảm nhưng vẫn giữ các vòng tơ làm chỗ dựa khi chui rúc trong đất.

Lợi ích của giun đất đối với trồng trọt (0,5 điểm).

- Làm tơi, xốp đất, tạo điều kiện cho không khí thấm vào đất.
- Làm tăng độ màu mỡ cho đất do phân và chất bài tiết ở cơ thể giun thải ra.

Câu 5. (1 điểm, mỗi ý đúng 0,5 điểm)

Cấu tạo của trai thích ứng với lối tự vệ có hiệu quả:

- Trai tự vệ bằng cách co chân, khép vỏ.

- Nhờ vỏ cứng rắn và hai cơ khép vỏ vững chắc nên kẻ thù không bửa vỏ ra để ăn được phần mềm của cơ thể chúng.

Câu 6. (2 điểm , mỗi ý đúng 0,5 điểm)

- Sống ở nước thở bằng mang, có vỏ giáp cứng bao bọc . Cơ thể gồm hai phần + Phần đầu – ngực có giác quan, miệng với các chân hàm xung quanh và chân bò .
- + Phần bụng phân đốt rõ, phần phụ là những chân bơi.
- Tôm là động vật ăn tạp, hoạt động về đêm và có bản năng ôm trứng để bảo vệ

8. Đề thi HK1 Sinh 7 số 8

TRƯỜNG PT DTNT THCS TRẦN ĐỀ
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I-NH: 2019-2020

MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ:

A. Trắc nghiệm: (4đ)

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất (3điểm):

Mỗi ý đúng 0,25điểm

Câu 1: Tác hại của giun móc câu đối với cơ thể người là:

- A. Hút máu, bám vào niêm mạc tá tràng. B. Làm người bệnh xanh xao, vàng vọt.
C. Gây ngứa ở hậu môn. D. Gây tắc ruột, tắc ống mật.

Câu 2: Hình thức sinh sản không gặp ở thủy tức là

- A. Mọc chồi. B. Tái sinh. C. Phân đôi. D. Sinh sản hữu tính.

Câu 3: Nhóm nào sau đây gồm những chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn?

- A. Tôm sông, nhện, ve sầu. B. Kiến, bướm cải, tôm ở nhờ.
C. Ong mật, bọ ngựa, tôm ở nhờ. D. Kiến, ong mật, nhện.

Câu 4: Để bảo vệ mùa màng, tăng năng suất cây trồng phải diệt sâu hại ở giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn bướm B. Giai đoạn nhộng. C. Giai đoạn sâu non. D. Giai đoạn sâu trưởng thành.

Câu 5: Cơ quan di chuyển của trai sông?

- A. Chân trai thò ra và thụt vào. B. Trai hút và phun nước.
C. Chân trai kết hợp với sự đóng mở của vỏ. D. Sự đóng mở vỏ trai.

Câu 6: Khi mưa nhiều giun đất lại chui lên mặt đất để:

- A. Hô hấp. B. Tìm nơi ở mới. C. Dễ dàng bơi lội. D. Tìm thức ăn.

Câu 7: Loài thuộc lớp Sâu bọ có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng:

- A. Châu chấu B. Bướm. C. Bọ ngựa. D. Dế trũi.

Câu 8: Trẻ em hay mắc bệnh giun kim vì:

- A. Không ăn đủ chất. B. Không biết ăn rau xanh.
C. Có thói quen mút tay vào miệng. D. Hay chơi đùa.

Câu 9: Tái sinh là hình thức sinh sản ở loài ruột khoang nào?

- A. San hô B. Hải quỳ C. Thủy tức; D. Sứa

Câu 10: Nhóm động vật nào sau đây thuộc ngành Ruột khoang sống ở biển ?

- A. Sứa, thủy tức, hải quỳ B. Sứa, san hô, hải quỳ
C. Hải quỳ, thủy tức, tôm D. Sứa, san hô, mực

Câu 11: Giun đũa kí sinh ở đâu ?

- A. Ruột non người B. Có lối sống ký sinh
C. Có lối sống tự do D. Sinh hữu tính hoặc vô tính.

Câu 12: Trứng giun xâm nhập vào cơ thể bằng con đường nào ?

- A. Ăn uống thiếu vệ sinh B. Hô hấp
C. Máu người D. Ăn chín uống sôi

II. Điền từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn sau(1điểm):

Mỗi ý đúng 0,25điểm

Nhện hoạt động chủ yếu về (1).....có các tập tính thích hợp với (2).....môi sống. Trừ một số đại diện (3).....(như cái ghê, ve bò...) còn đa số nhện đều (4).....chúng săn bắt sâu bọ có hại.

B. TỰ LUẬN (6đ)

Câu 1:(2đ) Lấy ví dụ chứng minh vai trò của lớp Giáp xác?

Câu 2:(2đ) Trùng sốt rét có cấu tạo và dinh dưỡng như thế nào? Vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi? Em hãy đề ra biện pháp phòng tránh bệnh sốt rét?

Câu 3:(1đ) Vẽ sơ đồ vòng đời sán lá gan?

Câu 4:(1đ) Vì sao nói “ Giun đất là bạn của nhà nông”?

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

A. TRẮC NGHIỆM (4đ) 15 PHÚT

(Mỗi câu trắc nghiệm làm đúng được 0,25đ).

I. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	C	C	A	B	C	C	B	A	A

II. Điền từ hoặc cụm từ phù hợp để điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn sau.

HS điền theo thứ tự sau: ban đêm, săn bắt, có hại, có lợi.

9. Đề thi HK1 Sinh 7 số 9

TRƯỜNG TH-THCS KIẾN GIANG
ĐỀ THI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2019-2020
MÔN: SINH HỌC 7

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất. (Mỗi câu đúng 0.5 điểm).

Câu 1: Bệnh do một loại trùng roi sống kí sinh trong máu gây ra, làm bệnh nhân rơi vào giấc ngủ li bì và có tỷ lệ tử vong rất cao. Hãy cho biết bệnh lan truyền qua loài nào sau đây?

- A. Muỗi vằn. B. Ruồi. C. Bướm. D. Ong.

Câu 2: Trùng sốt rét vào cơ thể người bằng cách nào?

- A. Qua ăn uống. B. Qua máu. C. Qua da. D. Qua hô hấp.

Câu 3: Trùng roi, trùng giày và trùng biến hình có điểm giống nhau là:

- A. Chưa có cấu tạo tế bào. B. Chưa có nhân điển hình.
C. Cùng có cơ thể là 1 tế bào. D. Hấp thụ chất dinh dưỡng qua bề mặt tế bào.

Câu 4: Các nhóm động vật nào dưới đây thuộc giáp xác?

- A. Tôm, cua, nhện, ốc. B. Mực, trai, tôm, cua.
C. Mọt ẩm, sun, chân kiếm, tôm. D. Cá, tôm, mực, cua.

Câu 5: Các động vật nguyên sinh sống kí sinh là:

- A. Trùng giày, trùng kiết lị. C. Trùng sốt rét, trùng kiết lị.
B. Trùng biến hình, trùng sốt rét. D. Trùng roi xanh, trùng giày.

Câu 6: Hải quỳ cộng sinh với loài nào sau đây để có thể di chuyển được:

- A. Cua. B. Tôm ở nhờ. C. Sứa. D. Ốc.

Câu 7: Quan sát cấu tạo ngoài tôm sông ta đếm được có:

- A. 5 đôi chân ngực. **B. 6 đôi chân ngực.**
C. 4 đôi chân ngực. D. 3 đôi chân ngực.

Câu 8: Đặc điểm chung của ngành ruột khoang là:

- A. Cơ thể phân đốt, có thể xoang, ống tiêu hoá phân hoá, bắt đầu có hệ tuần hoàn.
B. Cơ thể hình trụ thuôn hai đầu, có khoang cơ thể chưa chính thức, cơ quan tiêu hoá dài đến hậu môn.

C. Cơ thể đẹp, đối xứng hai bên và phân biệt đầu đuôi, lưng bụng, ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn.

D. Cơ thể đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào.

Câu 9: Ở phần đầu ngực của nhện, bộ phận nào có chức vụ bắt mồi và tự vệ?

- A. Đôi kim có tuyến độc. B. Đôi chân xúc giác.
 C. Núm tuyến tơ. D. Bốn đôi chân bò.

Câu 10: Châu chấu hô hấp bằng:

- A. Mang. B. Ống khí. C. Qua da. D. Phổi.

II. TỰ LUẬN : (7điểm)

Câu 1: Trình bày đặc điểm chung của lớp sâu bọ? Vì sao ta cần hạn chế tiêu diệt sâu bọ có hại bằng biện pháp hóa học? **(3 điểm).**

Câu 2: Vì sao bệnh sốt rét hay xảy ra ở miền núi và vùng sông nước? Biện pháp phòng tránh? **(3 điểm).**

Câu 3: Nêu chức năng của từng loại vây? **(1 điểm).**

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	<u>B</u>	<u>B</u>	<u>C</u>	<u>C</u>	<u>C</u>	<u>D</u>	<u>A</u>	<u>D</u>	<u>B</u>	<u>B</u>

II. Tự luận :

Câu	Nội dung	Điểm
<u>1</u>	- Đặc điểm chung của lớp sâu bọ: + Cơ thể gồm 3 phần: đầu, ngực, bụng. + Phần đầu có 1 đôi râu, ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh. + Hô hấp bằng ống khí. + Phát triển qua biến thái. - Trình bày được lý do ô nhiễm môi trường.	<u>1</u> <u>1</u>
<u>2</u>	+ Bệnh sốt rét thường hay xảy ra ở miền núi và vùng sông nước vì có nước tù đọng nơi sinh đẻ của muỗi Anôphen. + Đời sống còn thiếu thốn, trình độ văn hóa thấp nên vệ sinh kém và ý thức phòng chống bệnh sốt rét còn ít + Nêu được các biện pháp phòng tránh,	<u>0,5</u> <u>0,5</u> <u>1</u>

3	<p>- Vây chẵn: + Vây ngực, vây bụng: giữ thăng bằng, rẽ phải, rẽ trái, lên, xuống, dừng lại, bơi đứng.</p> <p>- Vây lẻ: + Vây lưng, vây hậu môn: giữ thăng bằng theo chiều dọc. + Vây đuôi: đẩy nước làm cá tiến lên phía trước.</p>	1
----------	--	----------

10. Đề thi HK1 Sinh 7 số 10**TRƯỜNG THCS LƯƠNG TẤN THỊNH****ĐỀ THI HỌC KỲ I****MÔN: SINH HỌC 7**

Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I/ TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu em cho là đúng nhất:**Câu 1.** Ấu trùng loài thân mềm có tập tính kí sinh ở cá là

- A. Mực
B. Trai sông
C. Ốc bươu
D. Bạch tuộc

Câu 2. Cơ quan hô hấp của châu chấu là:

- A. Mang
B. Đôi khe thở
C. Thành cơ thể
D. Các lỗ thở ở bụng

Câu 3. Trùng biến hình có kiểu dinh dưỡng:

- A. Tự dưỡng
B. Kí sinh
C. Dị dưỡng
D. Cộng sinh

Câu 4. Trùng roi xanh dinh dưỡng bằng hình thức nào?

- A. Dị dưỡng
B. Tự dưỡng
C. Kí sinh
D. Tự dưỡng và dị dưỡng

Câu 5. Các giai đoạn thuộc kiểu biến thái hoàn toàn là:

- A. Trứng - Ấu trùng
B. Trứng - Trưởng thành
C. Trứng - Ấu trùng - Trưởng thành
D. Trứng - Ấu trùng - Nhộng - Trưởng thành

Câu 6. Đặc điểm của ruột khoang khác với động vật nguyên sinh là:

- A. Cấu tạo đa bào
B. Cấu tạo đơn bào
C. Sống trong nước
D. Sống tự do

Câu 7. Thủy tức bắt mồi có hiệu quả nhờ:

- A. Di chuyển nhanh nhẹn
B. Phát hiện ra mồi nhanh
C. Có miệng to và khoang ruột rộng
D. Có tua miệng dài trang bị các tế bào gai độc

Câu 8. Những động vật nào sau đây thuộc lớp sên bọ:

- A. Bọ ngựa, ve bò, ong
B. Châu chấu, muỗi, cái ghẻ

C. Nhện, châu chấu, ruồi

D. Ve sầu, chuồn chuồn, muỗi

Câu 9. Nhện có đặc điểm gì giống tôm đồng ?

A. Không có râu, có 8 chân.

B. Thở bằng phổi và khí quản.

C. Thụ tinh trong.

D. Có vỏ bọc bằng kitin, chân có đốt.

Câu 10. Sán lông và sán lá gan được xếp chung vào ngành giun dẹp vì:

A. chúng có lối sống kí sinh.

B. cơ thể dẹp có đối xứng hai bên.

C. chúng đều là sán.

D. chúng có lối sống tự do.

Câu 11. Cơ thể đối xứng toả tròn, ruột dạng túi, cấu tạo thành cơ thể có hai lớp tế bào là đặc điểm của ngành động vật nào?

C. Giun tròn

B. Giun đốt

C. Thân mềm.

D. Ruột khoang.

Câu 12. Vì sao tôm cần phải lột xác để lớn?

A. Lớp vỏ kitin cũ xấu

B. Lớp vỏ kitin cứng ngăn tôm lớn lên.

C. Lớp vỏ kitin cũ dễ vỡ

D. Tôm lột xác không vì lý do nào cả.

II/ TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1: (2đ) Trùng Biến hình sống ở đâu và di chuyển, bắt mồi, tiêu hóa mồi như thế nào ?

Câu 2: (2đ) Nêu tác hại của Giun đũa với sức khỏe con người đề phòng bệnh giun sán em cần làm gì ?

Câu 3: (2đ) Đặc điểm cấu tạo nào khiến chân khớp đa dạng về tập tính và môi trường sống ?

Câu 4 .(1đ) Vì sao nhiều nhà đào ao thả cá nhưng sau khi thu hoạch cá thì họ thấy trong ao có cả Trai?

ĐÁP ÁN

I/ TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Chọn mỗi ý đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ. án	A	D	C	D	D	A	D	D	D	B	D	B

II/ TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2đ)	- Trùng biến hình sống ở các lớp váng ao hồ ngoài tự nhiên hay ở trong các bình nuôi cấy.	0.5
	- Chúng di chuyển nhờ hình thành chân giả.	0.5
	- Dùng chân giả để bắt mồi	0.5
	- Tiêu hóa mồi nhờ không bào tiêu hóa.	0.5
Câu 2 (2đ)	Giun đũa gây hại cho sức khỏe con người ở chỗ: Ký sinh ở ruột lấy thức ăn, gây tắc ruột, tắc ống mật và còn tiết ra độc tố gây hại cho cơ thể người.	0.5
	+ Không ăn rau sống, uống nước lã	0.5

	+ Rửa tay trước khi ăn, dùng lồng bàn đậy thức ăn, diệt ruồi nhặng, vệ sinh nơi ở sạch sẽ.	0.5
	+ Tẩy giun định kì một năm từ 1- 2 lần hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.	0.5
Câu 3 (2đ)	-Chân khớp đa dạng về môi trường sống và về tập tính là nhờ thích nghi rất cao và lâu dài với điều kiện sống thể hiện ở:	0.5
	- Các phần phụ có cấu tạo thích nghi với từng môi trường sống như: ở nước là chân bơi, ở cạn là chân bò, ở trong đất là chân đào bới.	0.5
	- Phần phụ miệng cũng thích nghi với các thức ăn lỏng, thức ăn rắn ... khác nhau.	0.5
	- Đặc điểm thần kinh (đặc biệt não phát triển) và các giác quan phát triển là cơ sở để hoàn thiện các tập tính phong phú ở sâu bọ.	0.5